

**LUẬT**  
**THƯƠNG MẠI**  
(HIỆN HÀNH)

**(SỬA ĐỔI NĂM 2017, 2019)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**  
**Hà Nội - 2020**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
* <i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
* <i>Luật Thương mại (hiện hành) (sửa đổi năm 2017, 2019)</i>	7
<i>Chương I</i>	
<b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	8
<i>Mục 1</i>	
<b>PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG</b>	8
<b>Điều 1.</b> Phạm vi điều chỉnh	8
<b>Điều 2.</b> Đối tượng áp dụng	9
<b>Điều 3.</b> Giải thích từ ngữ	9
<b>Điều 4.</b> Áp dụng Luật thương mại và pháp luật có liên quan	12
<b>Điều 5.</b> Áp dụng điều ước quốc tế, pháp luật nước ngoài và tập quán thương mại quốc tế	12
<b>Điều 6.</b> Thương nhân	13
<b>Điều 7.</b> Nghĩa vụ đăng ký kinh doanh của thương nhân	13
<b>Điều 8.</b> Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động thương mại	13
<b>Điều 9.</b> Hiệp hội thương mại	14

## Mục 2

### NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI 14

- Điều 10.** Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật của thương nhân trong hoạt động thương mại 14
- Điều 11.** Nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong hoạt động thương mại 15
- Điều 12.** Nguyên tắc áp dụng thói quen trong hoạt động thương mại được thiết lập giữa các bên 15
- Điều 13.** Nguyên tắc áp dụng tập quán trong hoạt động thương mại 15
- Điều 14.** Nguyên tắc bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng 16
- Điều 15.** Nguyên tắc thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu trong hoạt động thương mại 16

## Mục 3

### THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM 16

- Điều 16.** Thương nhân nước ngoài hoạt động thương mại tại Việt Nam 16
- Điều 17.** Quyền của Văn phòng đại diện 17
- Điều 18.** Nghĩa vụ của Văn phòng đại diện 18
- Điều 19.** Quyền của Chi nhánh 18
- Điều 20.** Nghĩa vụ của Chi nhánh 19
- Điều 21.** Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 20
- Điều 22.** Thẩm quyền cho phép thương nhân nước ngoài hoạt động thương mại tại Việt Nam 20

<b>Điều 23. Chấm dứt hoạt động tại Việt Nam của thương nhân nước ngoài</b>	21
--	----

## *Chương II*

<b>MUA BÁN HÀNG HÓA</b>	22
-------------------------	----

### *Mục 1*

<b>CÁC QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA</b>	22
--	----

<b>Điều 24. Hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa</b>	22
---	----

<b>Điều 25. Hàng hóa cấm kinh doanh, hàng hóa hạn chế kinh doanh, hàng hóa kinh doanh có điều kiện</b>	22
--	----

<b>Điều 26. Áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng hóa lưu thông trong nước</b>	23
--	----

<b>Điều 27. Mua bán hàng hóa quốc tế</b>	23
--	----

<b>Điều 28*. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa</b>	24
--	----

<b>Điều 29*. Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hóa</b>	24
--	----

<b>Điều 30*. Chuyển khẩu hàng hóa</b>	25
---------------------------------------	----

<b>Điều 31*.*.*</b>	26
---------------------	----

<b>Điều 32. Nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</b>	26
---	----

<b>Điều 33*.*.*</b>	26
---------------------	----

### *Mục 2*

<b>QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA</b>	27
--	----

<b>Điều 34. Giao hàng và chứng từ liên quan đến hàng hóa</b>	27
--	----

<b>Điều 35. Địa điểm giao hàng</b>	27
------------------------------------	----

<b>Điều 36. Trách nhiệm khi giao hàng có liên quan đến người vận chuyển</b>	28
<b>Điều 37. Thời hạn giao hàng</b>	29
<b>Điều 38. Giao hàng trước thời hạn đã thỏa thuận</b>	29
<b>Điều 39. Hàng hóa không phù hợp với hợp đồng</b>	29
<b>Điều 40. Trách nhiệm đối với hàng hóa không phù hợp với hợp đồng</b>	30
<b>Điều 41. Khắc phục trong trường hợp giao thiếu hàng, giao hàng không phù hợp với hợp đồng</b>	31
<b>Điều 42. Giao chứng từ liên quan đến hàng hóa</b>	31
<b>Điều 43. Giao thừa hàng</b>	32
<b>Điều 44. Kiểm tra hàng hóa trước khi giao hàng</b>	32
<b>Điều 45. Nghĩa vụ bảo đảm quyền sở hữu đối với hàng hóa</b>	33
<b>Điều 46. Nghĩa vụ bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa</b>	34
<b>Điều 47. Yêu cầu thông báo</b>	34
<b>Điều 48. Nghĩa vụ của bên bán trong trường hợp hàng hóa là đối tượng của biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự</b>	35
<b>Điều 49. Nghĩa vụ bảo hành hàng hóa</b>	35
<b>Điều 50. Thanh toán</b>	35
<b>Điều 51. Việc ngừng thanh toán tiền mua hàng</b>	36
<b>Điều 52. Xác định giá</b>	36
<b>Điều 53. Xác định giá theo trọng lượng</b>	37
<b>Điều 54. Địa điểm thanh toán</b>	37
<b>Điều 55. Thời hạn thanh toán</b>	37
<b>Điều 56. Nhận hàng</b>	38

<b>Điều 57.</b> Chuyển rủi ro trong trường hợp có địa điểm giao hàng xác định	38
<b>Điều 58.</b> Chuyển rủi ro trong trường hợp không có địa điểm giao hàng xác định	38
<b>Điều 59.</b> Chuyển rủi ro trong trường hợp giao hàng cho người nhận hàng để giao mà không phải là người vận chuyển	39
<b>Điều 60.</b> Chuyển rủi ro trong trường hợp mua bán hàng hóa đang trên đường vận chuyển	39
<b>Điều 61.</b> Chuyển rủi ro trong các trường hợp khác	39
<b>Điều 62.</b> Thời điểm chuyển quyền sở hữu hàng hóa	40

### Mục 3

## MUA BÁN HÀNG HÓA QUA SỔ GIAO DỊCH HÀNG HÓA

<b>Điều 63.</b> Mua bán hàng hóa qua Sổ giao dịch hàng hóa	40
<b>Điều 64.</b> Hợp đồng mua bán hàng hóa qua Sổ giao dịch hàng hóa	41
<b>Điều 65.</b> Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng kỳ hạn	41
<b>Điều 66.</b> Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng quyền chọn	42
<b>Điều 67.</b> Sổ giao dịch hàng hóa	43
<b>Điều 68.</b> Hàng hóa giao dịch tại Sổ giao dịch hàng hóa	44
<b>Điều 69.</b> Thương nhân môi giới mua bán hàng hóa qua Sổ giao dịch hàng hóa	44
<b>Điều 70.</b> Các hành vi bị cấm đối với thương nhân môi giới hàng hóa qua Sổ giao dịch hàng hóa	45
<b>Điều 71.</b> Các hành vi bị cấm trong hoạt động mua bán hàng hóa qua Sổ giao dịch hàng hóa	45

<b>Điều 72.</b> Thực hiện biện pháp quản lý trong trường hợp khẩn cấp	46
<b>Điều 73.</b> Quyền hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài	47

### *Chương III*

## **CUNG ỨNG DỊCH VỤ** 47.

### *Mục 1*

## **CÁC QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ** 47

<b>Điều 74.</b> Hình thức hợp đồng dịch vụ	47
<b>Điều 75.</b> Quyền cung ứng và sử dụng dịch vụ của thương nhân	47
<b>Điều 76.</b> Dịch vụ cấm kinh doanh, dịch vụ hạn chế kinh doanh và dịch vụ kinh doanh có điều kiện	49
<b>Điều 77.</b> Áp dụng các biện pháp khẩn cấp đối với hoạt động cung ứng hoặc sử dụng dịch vụ	49

### *Mục 2*

## **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN TRONG HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ** 50

<b>Điều 78.</b> Nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ	50
<b>Điều 79.</b> Nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ theo kết quả công việc	50
<b>Điều 80.</b> Nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ theo nỗ lực và khả năng cao nhất	51
<b>Điều 81.</b> Hợp tác giữa các bên cung ứng dịch vụ	51
<b>Điều 82.</b> Thời hạn hoàn thành dịch vụ	52

<b>Điều 83.</b> Yêu cầu của khách hàng liên quan đến những thay đổi trong quá trình cung ứng dịch vụ	52
<b>Điều 84.</b> Tiếp tục cung ứng dịch vụ sau khi hết thời hạn hoàn thành việc cung ứng dịch vụ	53
<b>Điều 85.</b> Nghĩa vụ của khách hàng	53
<b>Điều 86.</b> Giá dịch vụ	53
<b>Điều 87.</b> Thời hạn thanh toán	54

#### *Chương IV*

### **XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI** 54

#### *Mục 1*

### **KHUYẾN MẠI** 54

<b>Điều 88.</b> Khuyến mại	54
<b>Điều 89.</b> Kinh doanh dịch vụ khuyến mại	55
<b>Điều 90.</b> Hợp đồng dịch vụ khuyến mại	55
<b>Điều 91.</b> Quyền khuyến mại của thương nhân	55
<b>Điều 92.</b> Các hình thức khuyến mại	56
<b>Điều 93.</b> Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại	57
<b>Điều 94.</b> Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá khuyến mại	57
<b>Điều 95.</b> Quyền của thương nhân thực hiện khuyến mại	58
<b>Điều 96.</b> Nghĩa vụ của thương nhân thực hiện khuyến mại	58
<b>Điều 97.</b> Thông tin phải thông báo công khai	59
<b>Điều 98.</b> Cách thức thông báo	61
<b>Điều 99.</b> Bảo đảm bí mật thông tin về chương trình, nội dung khuyến mại	61
<b>Điều 100**.</b> Các hành vi bị cấm trong hoạt động khuyến mại	61



<b>Điều 101.</b> Đăng ký hoạt động khuyến mại, thông báo kết quả khuyến mại với cơ quan quản lý nhà nước về thương mại	63
--	----

### Mục 2

## QUẢNG CÁO THƯƠNG MẠI 63

<b>Điều 102.</b> Quảng cáo thương mại	63
<b>Điều 103.</b> Quyền quảng cáo thương mại	63
<b>Điều 104.</b> Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại	64
<b>Điều 105.</b> Sản phẩm quảng cáo thương mại	64
<b>Điều 106.</b> Phương tiện quảng cáo thương mại	65
<b>Điều 107.</b> Sử dụng phương tiện quảng cáo thương mại	65
<b>Điều 108.</b> Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm quảng cáo thương mại	66
<b>Điều 109**.</b> Các quảng cáo thương mại bị cấm	66
<b>Điều 110.</b> Hợp đồng dịch vụ quảng cáo thương mại	67
<b>Điều 111.</b> Quyền của bên thuê quảng cáo thương mại	67
<b>Điều 112.</b> Nghĩa vụ của bên thuê quảng cáo thương mại	68
<b>Điều 113.</b> Quyền của bên cung ứng dịch vụ quảng cáo thương mại	68
<b>Điều 114.</b> Nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ quảng cáo thương mại	68
<b>Điều 115.</b> Người phát hành quảng cáo thương mại	69
<b>Điều 116.</b> Nghĩa vụ của người phát hành quảng cáo thương mại	69

### Mục 3

## TRUNG BÀY, GIỚI THIỆU HÀNG HÓA, DỊCH VỤ 70

<b>Điều 117.</b> Trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	70
<b>Điều 118.</b> Quyền trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	70

<b>Điều 119.</b> Kinh doanh dịch vụ trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	71
<b>Điều 120.</b> Các hình thức trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	71
<b>Điều 121.</b> Điều kiện đối với hàng hóa, dịch vụ trưng bày, giới thiệu	72
<b>Điều 122.</b> Điều kiện đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam để trưng bày, giới thiệu	72
<b>Điều 123.</b> Các trường hợp cấm trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	73
<b>Điều 124.</b> Hợp đồng dịch vụ trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	73
<b>Điều 125.</b> Quyền của bên thuê dịch vụ trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	74
<b>Điều 126.</b> Nghĩa vụ của bên thuê dịch vụ trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	74
<b>Điều 127.</b> Quyền của bên cung ứng dịch vụ trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	74
<b>Điều 128.</b> Nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ	75

#### Mục 4

### HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

<b>Điều 129.</b> Hội chợ, triển lãm thương mại	76
<b>Điều 130.</b> Kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại	76
<b>Điều 131.</b> Quyền tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại	76
<b>Điều 132.</b> Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	77

<b>Điều 133.</b> Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài	78
<b>Điều 134.</b> Hàng hóa, dịch vụ trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	79
<b>Điều 135.</b> Hàng hóa, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài	80
<b>Điều 136.</b> Bán, tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	80
<b>Điều 137.</b> Bán, tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ của Việt Nam tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài	81
<b>Điều 138.</b> Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	82
<b>Điều 139.</b> Quyền và nghĩa vụ của thương nhân tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài	82
<b>Điều 140.</b> Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại	83

### **Chương V**

## **CÁC HOẠT ĐỘNG TRUNG GIAN THƯƠNG MẠI** 84

### **Mục 1**

#### **ĐẠI DIỆN CHO THƯƠNG NHÂN** 84

<b>Điều 141.</b> Đại diện cho thương nhân	84
<b>Điều 142.</b> Hợp đồng đại diện cho thương nhân	84
<b>Điều 143.</b> Phạm vi đại diện	84
<b>Điều 144.</b> Thời hạn đại diện cho thương nhân	85
<b>Điều 145.</b> Nghĩa vụ của bên đại diện	85
<b>Điều 146.</b> Nghĩa vụ của bên giao đại diện	86

<b>Điều 147.</b> Quyền hưởng thù lao đại diện	87
<b>Điều 148.</b> Thanh toán chi phí phát sinh	87
<b>Điều 149.</b> Quyền cầm giữ	87

### Mục 2

#### MÔI GIỚI THƯƠNG MẠI 87

<b>Điều 150.</b> Môi giới thương mại	87
<b>Điều 151.</b> Nghĩa vụ của bên môi giới thương mại	88
<b>Điều 152.</b> Nghĩa vụ của bên được môi giới	88
<b>Điều 153.</b> Quyền hưởng thù lao môi giới	89
<b>Điều 154.</b> Thanh toán chi phí phát sinh liên quan đến việc môi giới	89

### Mục 3

#### ỦY THÁC MUA BÁN HÀNG HÓA 89

<b>Điều 155.</b> Ủy thác mua bán hàng hoá	89
<b>Điều 156.</b> Bên nhận ủy thác	90
<b>Điều 157.</b> Bên ủy thác	90
<b>Điều 158.</b> Hàng hóa ủy thác	90
<b>Điều 159.</b> Hợp đồng ủy thác	90
<b>Điều 160.</b> Ủy thác lại cho bên thứ ba	90
<b>Điều 161.</b> Nhận ủy thác của nhiều bên	91
<b>Điều 162.</b> Quyền của bên ủy thác	91
<b>Điều 163.</b> Nghĩa vụ của bên ủy thác	91
<b>Điều 164.</b> Quyền của bên nhận ủy thác	92
<b>Điều 165.</b> Nghĩa vụ của bên nhận ủy thác	92

### Mục 4

#### ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI 93

<b>Điều 166.</b> Đại lý thương mại	93
<b>Điều 167.</b> Bên giao đại lý, bên đại lý	93

<b>Điều 168.</b> Hợp đồng đại lý	93
<b>Điều 169.</b> Các hình thức đại lý	93
<b>Điều 170.</b> Quyền sở hữu trong đại lý thương mại	94
<b>Điều 171.</b> Thù lao đại lý	94
<b>Điều 172.</b> Quyền của bên giao đại lý	95
<b>Điều 173.</b> Nghĩa vụ của bên giao đại lý	96
<b>Điều 174.</b> Quyền của bên đại lý	96
<b>Điều 175.</b> Nghĩa vụ của bên đại lý	97
<b>Điều 176.</b> Thanh toán trong đại lý	98
<b>Điều 177.</b> Thời hạn đại lý	98

### *Chương VI*

## **MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI CỤ THỂ KHÁC**

99

### *Mục 1*

#### **GIA CÔNG TRONG THƯƠNG MẠI**

99

<b>Điều 178.</b> Gia công trong thương mại	99
<b>Điều 179.</b> Hợp đồng gia công	100
<b>Điều 180.</b> Hàng hóa gia công	100
<b>Điều 181.</b> Quyền và nghĩa vụ của bên đặt gia công	100
<b>Điều 182.</b> Quyền và nghĩa vụ của bên nhận gia công	101
<b>Điều 183.</b> Thù lao gia công	102
<b>Điều 184.</b> Chuyển giao công nghệ trong gia công với tổ chức, cá nhân nước ngoài	102

### *Mục 2*

#### **ĐẤU GIÁ HÀNG HÓA**

103

<b>Điều 185.</b> Đấu giá hàng hóa	103
<b>Điều 186.</b> Người tổ chức đấu giá, người bán hàng	103

183

<b>Điều 187. Người tham gia đấu giá, người điều hành đấu giá</b>	104
<b>Điều 188. Nguyên tắc đấu giá</b>	104
<b>Điều 189. Quyền của người tổ chức đấu giá</b>	104
<b>Điều 190. Nghĩa vụ của người tổ chức đấu giá</b>	105
<b>Điều 191. Quyền của người bán hàng không phải là người tổ chức đấu giá</b>	106
<b>Điều 192. Nghĩa vụ của người bán hàng không phải là người tổ chức đấu giá</b>	106
<b>Điều 193. Hợp đồng dịch vụ tổ chức đấu giá hàng hóa</b>	107
<b>Điều 194. Xác định giá khởi điểm</b>	107
<b>Điều 195. Thông báo cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa là đối tượng cầm cố, thế chấp</b>	108
<b>Điều 196. Thời hạn thông báo và niêm yết đấu giá hàng hóa</b>	108
<b>Điều 197. Nội dung thông báo và niêm yết đấu giá hàng hóa</b>	109
<b>Điều 198. Những người không được tham gia đấu giá</b>	109
<b>Điều 199. Đăng ký tham gia đấu giá</b>	110
<b>Điều 200. Trưng bày hàng hóa đấu giá</b>	110
<b>Điều 201. Tiến hành cuộc đấu giá</b>	111
<b>Điều 202. Đấu giá không thành</b>	112
<b>Điều 203. Văn bản bán đấu giá hàng hóa</b>	112
<b>Điều 204. Rút lại giá đã trả</b>	113
<b>Điều 205. Từ chối mua</b>	114
<b>Điều 206. Đăng ký quyền sở hữu</b>	114
<b>Điều 207. Thời điểm thanh toán tiền mua hàng hóa</b>	115
<b>Điều 208. Địa điểm thanh toán tiền mua hàng hóa</b>	115
<b>Điều 209. Thời hạn giao hàng hóa bán đấu giá</b>	115
<b>Điều 210. Địa điểm giao hàng hóa bán đấu giá</b>	116

<b>Điều 211.</b> Thù lao dịch vụ đấu giá hàng hóa	116
<b>Điều 212.</b> Chi phí liên quan đến đấu giá hàng hoá	117
<b>Điều 213.</b> Trách nhiệm đối với hàng hóa bán đấu giá không phù hợp với thông báo, niêm yết	117

### Mục 3

#### **ĐẤU THẦU HÀNG HÓA, DỊCH VỤ** 118

<b>Điều 214.</b> Đấu thầu hàng hóa, dịch vụ	118
<b>Điều 215.</b> Hình thức đấu thầu	118
<b>Điều 216.</b> Phương thức đấu thầu	118
<b>Điều 217.</b> Sơ tuyển các bên dự thầu	119
<b>Điều 218.</b> Hồ sơ mời thầu	119
<b>Điều 219.</b> Thông báo mời thầu	120
<b>Điều 220.</b> Chỉ dẫn cho bên dự thầu	120
<b>Điều 221.</b> Quản lý hồ sơ dự thầu	120
<b>Điều 222.</b> Bảo đảm dự thầu	121
<b>Điều 223.</b> Bảo mật thông tin đấu thầu	121
<b>Điều 224.</b> Mở thầu	122
<b>Điều 225.</b> Xét hồ sơ dự thầu khi mở thầu	122
<b>Điều 226.</b> Biên bản mở thầu	122
<b>Điều 227.</b> Đánh giá và so sánh hồ sơ dự thầu	123
<b>Điều 228.</b> Sửa đổi hồ sơ dự thầu	123
<b>Điều 229.</b> Xếp hạng và lựa chọn nhà thầu	124
<b>Điều 230.</b> Thông báo kết quả đấu thầu và ký kết hợp đồng	124
<b>Điều 231.</b> Bảo đảm thực hiện hợp đồng	124
<b>Điều 232.</b> Đấu thầu lại	125

### Mục 4

#### **DỊCH VỤ LOGISTICS** 125

<b>Điều 233.</b> Dịch vụ logistics	125
------------------------------------	-----

<b>Điều 234.</b> Điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics	126
<b>Điều 235.</b> Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics	126
<b>Điều 236.</b> Quyền và nghĩa vụ của khách hàng	127
<b>Điều 237.</b> Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics	128
<b>Điều 238.</b> Giới hạn trách nhiệm	129
<b>Điều 239.</b> Quyền cầm giữ và định đoạt hàng hóa	129
<b>Điều 240.</b> Nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics khi cầm giữ hàng hóa	131

### *Mục 5*

## QUÁ CẢNH HÀNG HÓA QUA LÃNH THỔ VIỆT NAM VÀ DỊCH VỤ QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

	131
<b>Điều 241.</b> Quá cảnh hàng hóa	131
<b>Điều 242*.</b>	132
<b>Điều 243*.</b>	132
<b>Điều 244*.</b>	132
<b>Điều 245*.</b>	132
<b>Điều 246*.</b>	132
<b>Điều 247*.</b>	132
<b>Điều 248.</b> Những hành vi bị cấm trong quá cảnh	132
<b>Điều 249.</b> Dịch vụ quá cảnh hàng hóa	132
<b>Điều 250.</b> Điều kiện kinh doanh dịch vụ quá cảnh	132
<b>Điều 251.</b> Hợp đồng dịch vụ quá cảnh	133
<b>Điều 252.</b> Quyền và nghĩa vụ của bên thuê dịch vụ quá cảnh	133
<b>Điều 253.</b> Quyền và nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ quá cảnh	134



## Mục 6

### DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH 135

- Điều 254. Dịch vụ giám định 135
- Điều 255. Nội dung giám định 136
- Điều 256. Thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định  
thương mại 136
- Điều 257. Điều kiện kinh doanh dịch vụ giám định  
thương mại 136
- Điều 258. Phạm vi kinh doanh dịch vụ giám định  
thương mại 137
- Điều 259. Tiêu chuẩn giám định viên 137
- Điều 260. Chứng thư giám định 137
- Điều 261. Giá trị pháp lý của chứng thư giám định đối  
với bên yêu cầu giám định 138
- Điều 262. Giá trị pháp lý của chứng thư giám định đối  
với các bên trong hợp đồng 138
- Điều 263. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh  
doanh dịch vụ giám định 139
- Điều 264. Quyền của khách hàng 140
- Điều 265. Nghĩa vụ của khách hàng 141
- Điều 266. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại trong  
trường hợp kết quả giám định sai 141
- Điều 267. Ủy quyền giám định 142
- Điều 268. Giám định theo yêu cầu của cơ quan nhà nước 142

## Mục 7

### CHO THUÊ HÀNG HÓA 142

- Điều 269. Cho thuê hàng hóa 142
- Điều 270. Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê 143

<b>Điều 271.</b> Quyền và nghĩa vụ của bên thuê	143
<b>Điều 272.</b> Sửa chữa, thay đổi tình trạng ban đầu của hàng hóa cho thuê	144
<b>Điều 273.</b> Trách nhiệm đối với tổn thất trong thời hạn thuê	145
<b>Điều 274.</b> Chuyển rủi ro đối với hàng hóa cho thuê	145
<b>Điều 275.</b> Hàng hóa cho thuê không phù hợp với hợp đồng	146
<b>Điều 276.</b> Từ chối nhận hàng	147
<b>Điều 277.</b> Khắc phục, thay thế hàng hóa cho thuê không phù hợp với hợp đồng	147
<b>Điều 278.</b> Chấp nhận hàng hóa cho thuê	147
<b>Điều 279.</b> Rút lại chấp nhận	148
<b>Điều 280.</b> Trách nhiệm đối với khiếm khuyết của hàng hóa cho thuê	149
<b>Điều 281.</b> Cho thuê lại	149
<b>Điều 282.</b> Lợi ích phát sinh trong thời hạn thuê	150
<b>Điều 283.</b> Thay đổi quyền sở hữu trong thời hạn thuê	150

### Mục 8

#### NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI 150

<b>Điều 284.</b> Nhượng quyền thương mại	150
<b>Điều 285.</b> Hợp đồng nhượng quyền thương mại	151
<b>Điều 286.</b> Quyền của thương nhân nhượng quyền	151
<b>Điều 287.</b> Nghĩa vụ của thương nhân nhượng quyền	152
<b>Điều 288.</b> Quyền của thương nhân nhận quyền	152
<b>Điều 289.</b> Nghĩa vụ của thương nhân nhận quyền	153
<b>Điều 290.</b> Nhượng quyền lại cho bên thứ ba	153
<b>Điều 291.</b> Đăng ký nhượng quyền thương mại	154

*Chương VII*  
**CHẾ TÀI TRONG THƯƠNG MẠI  
VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP  
TRONG THƯƠNG MẠI** 154

*Mục 1*

**CHẾ TÀI TRONG THƯƠNG MẠI** 154

- Điều 292.** Các loại chế tài trong thương mại 154
- Điều 293.** Áp dụng chế tài trong thương mại đối với vi phạm không cơ bản 155
- Điều 294.** Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm 155
- Điều 295.** Thông báo và xác nhận trường hợp miễn trách nhiệm 156
- Điều 296.** Kéo dài thời hạn, từ chối thực hiện hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng 156
- Điều 297.** Buộc thực hiện đúng hợp đồng 157
- Điều 298.** Gia hạn thực hiện nghĩa vụ 158
- Điều 299.** Quan hệ giữa chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng và các loại chế tài khác 159
- Điều 300.** Phạt vi phạm 159
- Điều 301.** Mức phạt vi phạm 159
- Điều 302.** Bồi thường thiệt hại 160
- Điều 303.** Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại 160
- Điều 304.** Nghĩa vụ chứng minh tổn thất 160
- Điều 305.** Nghĩa vụ hạn chế tổn thất 160
- Điều 306.** Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán 161
- Điều 307.** Quan hệ giữa chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại 161
- Điều 308.** Tạm ngừng thực hiện hợp đồng 162

<b>Điều 309.</b> Hậu quả pháp lý của việc tạm ngừng thực hiện hợp đồng	162
<b>Điều 310.</b> Đình chỉ thực hiện hợp đồng	162
<b>Điều 311.</b> Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thực hiện hợp đồng	163
<b>Điều 312.</b> Hủy bỏ hợp đồng	163
<b>Điều 313.</b> Hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp giao hàng, cung ứng dịch vụ từng phần	164
<b>Điều 314.</b> Hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng	165
<b>Điều 315.</b> Thông báo tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng	165
<b>Điều 316.</b> Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại khi đã áp dụng các chế tài khác	166

## Mục 2

### GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG THƯƠNG MẠI

<b>Điều 317.</b> Hình thức giải quyết tranh chấp	166
<b>Điều 318.</b> Thời hạn khiếu nại	166
<b>Điều 319.</b> Thời hiệu khởi kiện	167

## Chương VIII

### XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI

<b>Điều 320.</b> Hành vi vi phạm pháp luật về thương mại	167
<b>Điều 321.</b> Hình thức xử lý vi phạm pháp luật về thương mại	169
<b>Điều 322.</b> Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại	170

